TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **72**/2026/DS-ST
Ngày: 25 - 5 - 2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 -VĨNH LONG.

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hiếu Trung

2. Ông Nguyễn Chí Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2025/TLST - DS ngày 03/11/2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 08/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2026/QĐST-DS ngày 17/4/2026 và thông báo mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 28/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (Gọi tắt là L2).

Địa chỉ trụ sở: số B, đường T, phường T, Quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K - Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T – Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh B1.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Như Ý - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng G.

- ***Bị đơn:*** Ông Hồ Quang T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 2, ấp S, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 2, ấp S, xã S, tỉnh Vĩnh Long (đã chết ngày 09/10/2024).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B, P, phường B, Thành Phố H.

Nơi cư trú hiện nay: 232/9, tổ A, ấp S, xã P, tỉnh Vĩnh Long (Vợ ông T1).

Tại phiên tòa sơ thẩm người được ủy quyền tham gia tố tụng của người được ủy quyền khởi kiện có mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, người được ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Như Ý có lời trình bày:

Ông Hồ Tấn Đ khi còn sống đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 với Ngân hàng TMCP L1 (tên cũ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 - Phòng G, sau đâu gọi tắt là Ngân hàng). Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Hồ Tấn Đ vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

Số tiền cho vay: 845.000.000 đồng Số tiền ghi bằng chữ: T2 trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn cải tạo vường (Sầu riêng ri 6). Thời hạn cho vay: 120 tháng (Từ ngày 29/12/2023 đến hết ngày 21/12/2033). Lãi suất: 11,7%/năm Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (M tối thiểu 4,5%/năm). Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả 10 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 12 tháng). Ngày trả nợ đầu tiên là 28/12/2024. Số tiền trả hàng kỳ là 84.500.000đồng/ kỳ. Kỳ hạn trả lãi: lãi trả vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 01/02/2024.

Tài sản đảm bảo khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/04/2022 của Bên thế chấp là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 760568 số vào sổ cấp GCN: CS08992 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/4/2022. Cụ thể như sau: Thửa đất số: 90, tờ bản đồ số: 17. Địa chỉ: xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Diện tích: 3.942,1m^2. Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300,0m^2, đất trồng cây lâu năm 3.642,1m^2. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 20/06/2045. Nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất 300,0m^2 và nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 3642,1m^2.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Sau khi được Ngân hàng giải ngân ông Hồ Tấn Đ chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 52.600 đồng và nợ

lãi là 107.324.261 đồng. Do ông Đ không thanh toán nghĩa vụ trả nợ hàng tháng nên ngày 02/12/2024 Ngân hàng xuống làm việc với khách hàng thì được biết ông Đ đã chết và ông Hồ Quang T1 (em ruột ông Đ) cam kết sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng ngày 06/12/2024 nhưng sau thời gian trên ông Hồ Quang T1 không thanh toán.

Ngày 15/7/2025 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xác định bị đơn là ông Hồ Tấn Đ vì lý do Ngân hàng không thu thập được thông tin khai tử của ông Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành thu thập chứng cứ và xác định bị đơn đã chết ngày 09/10/2024 nên Ngân hàng đã thay đổi nội dung khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ hai của ông Hồ Tấn Đ là ông Hồ Quang T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay của ông Đ để lại do ông Đ không có vợ con, cha mẹ ông Đ cũng không còn sống. Hàng thừa kế thứ hai của ông Đ chỉ có ông T1.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông Hồ Quang T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại các hợp đồng mà ông T1 đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, ngân hàng khởi kiện như sau:

Buộc ông Hồ Quang T1 là người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ thanh toán nợ gốc, nợ lãi và khoản khoản nợ lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 do ông Đ đã ký kết với Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2026 là 1.051.678.405đồng. Trong đó: Nợ gốc: 844.947.400đồng. Nợ lãi trong hạn: 161.466.304đồng. Nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 11.610.505đồng. Nợ lãi quá hạn 33.654.196đồng.

Ngoài ra, ông Hồ Quang T1 còn tiếp tục phải chịu lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 kể từ ngày 26/05/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Hồ Quang T1 không trả nợ hoặc chi trả được một phần khoản nợ theo từ Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm theo hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/04/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng, ông Hồ Quang T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 tại Ngân hàng, Ngân hàng được

quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông Hồ Tấn Đ để lại để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Yêu cầu ông Hồ Quang T1 có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Hồ Quang T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 97, 143, 147 BLTTDS, Điều 227, 228; Điều 74 BLTTDS, Điều 292, 295, 299, 303, 319, 320, 466, 651 BLDS; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 Thông tư 39/TT-NHHH ngày 30/12/2026 và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L1 (L2).

Buộc ông Hồ Quang T1 - người thực hiện nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ để lại - có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 25/5/2026 là 1.051.678.405 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông T1 - người thực hiện nghĩa vụ của ông Đ để lại - còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Ngân hàng TMCP L1 có trách nhiệm trả lại cho ông Hồ Quang T1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 760568 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08992 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/4/2022 đứng tên ông Hồ Tấn Đ khi ông Hồ Quang T1 thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp ông Hồ Quang T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, Tờ bản đồ số 17, diện tích: 3.942,1m^2 thuộc xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/04/2022, số công chứng: 796, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phan Đức Toàn tỉnh B công chứng ngày 14/4/2022.

Ông Hồ Quang T1 chỉ chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng trong phạm vi tài sản thừa kế ông Hồ Tấn Đ để lại.

Án phí và chi phí tố tụng: Ông Hồ Quang T1 chịu án phí có giá ngạch số tiền là 43.550.352đồng và chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Hồ Quang T1, địa chỉ 232/9, ấp S, xã S, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, căn cứ các Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 27/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp.

Ngoài ra ông Hồ Tấn Đ khi còn sống đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 với Ngân hàng, hiện nay ông Đ đã chết vì vậy cần xác định thêm quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hiện ông Đ đã chết theo kết quả lập Vi bằng ngày 04/02/2026 xác định ngày chết là 09/10/2024, hàng thừa kế của ông Đ chỉ duy nhất có ông T1 nên cần xác định bị đơn trong vụ án là ông Hồ Quang T1 là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Ngân hàng và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì ông Hồ Tấn Đ khi còn sống đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 với Ngân hàng TMCP L1 (tên cũ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh B1 - Phòng G, sau đâu gọi tắt là Ngân hàng). Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Hồ Tấn Đ vay tiền như sau:

Số tiền cho vay: 845.000.000 đồng (Số tiền ghi bằng chữ: T2 trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn cải tạo vường (Sầu riêng ri 6). Thời hạn cho vay: 120 tháng (Từ ngày 29/12/2023 đến hết ngày 21/12/2033). Lãi suất: 11,7%/năm Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều

chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (M tối thiểu 4,5%/năm). Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả 10 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 12 tháng). Ngày trả nợ đầu tiên là 28/12/2024. Số tiền trả hàng kỳ là 84.500.000đồng/ kỳ. Kỳ hạn trả lãi: lãi trả vào ngày 01 hàng tháng theo dư nợ thực tế. Kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 01/02/2024.

Dư nợ của ông Đ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/5/2026 là 1.051.678.405 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 844.947.400đồng. Nợ lãi trong hạn: 161.466.304 đồng. Nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 11.610.505 đồng. Nợ lãi quá hạn 33.654.196 đồng.

Theo kết quả lập Vi bằng ngày 04/02/2026 của Văn phòng T3 xác định ngày chết của ông Hồ Tấn Đ là ngày 09/10/2024. Hiện nay, hàng thừa kế của ông Đ chỉ có duy nhất ông Hồ Quang T1 nên Ngân hàng yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T1 không hợp tác. Do các bên không thống nhất quyền và nghĩa trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng vì vậy phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng giao nộp cho Tòa án các văn bản gồm Hợp đồng tín dụng số HDTD22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Đ vay tiền theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hồ Tấn Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/12/2024. Đồng thời để đảm bảo cho khoản vay này ông Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng để thế chấp tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp là giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 760568 số vào sổ cấp GCN: CS08992 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/4/2022 theo hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/04/2022.

Xét việc ký hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn đều thể hiện ý chí tự nguyện của hai bên trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn của bị đơn, hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 117 và 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. "Hợp đồng tín dụng" và "Hợp đồng thế chấp bất động sản" nêu trên đều đã được công chứng theo quy định pháp luật, đồng thời "Hợp đồng thế chấp bất động sản" đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C vào ngày 14/4/2022 (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực 21 – Vĩnh Long) theo quy định pháp luật.

Về nội dung hợp đồng: Tại Điều 2 thể hiện hợp đồng tín dụng có thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi suất chậm trả. Việc thỏa thuận các loại lãi suất này là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự

năm 2015, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TANDTC. Như vậy yêu cầu tính lãi của ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ mà các bên đã tham gia ký kết đúng quy định pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên do đó các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đúng thỏa thuận đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01/02/2024 nhưng từ sau khi giao kết hợp đồng đến ngày ông Đ chết (ngày 09/10/2024) thì ông Đ không thực hiện trả gốc và lãi theo thỏa thuận, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng về "Trả nợ gốc, lãi".

Ngày 15/7/2025, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xác định bị đơn là ông Hồ Tấn Đ và không cung cấp cho Tòa án biết thông tin ông Đ đã chết vào thời điểm Ngân hàng nộp đơn khởi kiện. Đến ngày 18/12/2025 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối với thửa đất thế chấp tại Ngân hàng mới có thông tin ông Đ đã chết. Tòa án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành thu thập chứng cứ và xác định bị đơn đã chết ngày 09/10/2024 và Ngân hàng cũng đã có đơn thay đổi nội dung khởi kiện ban đầu. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hàng thừa kế thứ hai của ông Hồ Tấn Đ là ông Hồ Quang T1 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay của ông Đ để lại do ông Đ không có vợ con, cha mẹ ông Đ cũng không còn sống. Hàng thừa kế thứ hai của ông Đ chỉ có ông T1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định ông T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ duy nhất của ông Đ. Ông T1 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Đ để lại.

Quá trình giải quyết của Tòa án, bị đơn ông T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt, không gửi ý kiến trình bày, không phản đối nội dung hợp đồng cũng như khoản nợ còn thiếu như yêu cầu của Ngân hàng vì vậy đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay và thu hồi nợ, phía ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T1 cung cấp giấy chứng tử của ông Hồ Tấn Đ để Ngân hàng lập hồ sơ hỗ trợ giảm lãi suất từ thời điểm khách hàng chết nhưng ông T1 không cung cấp cho Ngân hàng và người thân trong gia đình cũng xác định chưa tiến hành làm khai tử cho ông Đ nên căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong HDTD22A2023674 ngày

28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 giữa Ngân hàng với ông Hồ Tấn Đ. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[4]. Khi ký hợp đồng tín dụng, ông Đ cũng ký kết với ngân hàng hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/04/2022 để đảm bảo cho khoản vay, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích: 3.942,1m^2 thuộc xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) của ông Hồ Tấn Đ. Do hợp đồng thế chấp đã đảm bảo là toàn bộ nghĩa vụ tài chính của ông Đ nên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm theo hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Hiện ông Hồ Quang T1 và vợ là bà Huỳnh Thị Ngọc L là người đang quản lý đất và tài sản trên đất do ông Hồ Tấn Đ đã thế chấp cho Ngân H vì vậy cần buộc ông Hồ Quang T1 và vợ là bà Huỳnh Thị Ngọc L phải có nghĩa vụ giao thửa đất thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.942,1m^2, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) cho Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/4/2022 để thu hồi nợ.

[5]. Đề nghị của đại diện diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 -Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] .Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải trả 1.051.678.405đồng theo quy định là 36.000.000đồng + 251.678.405đồng x 3% = 43.550.352đồng.

[7]. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí lập vi bằng là 5.200.000đồng, ông Hồ Quang T1 phải có nghĩa vụ chịu và phải trả lại cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 27/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 292, 295, 299, 303, 319, 320, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 và 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số

39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Điều 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2) đối với ông Hồ Quang T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ.

Buộc ông Hồ Quang T1 - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ phải có nghĩa vụ trả cho L2 số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/5/2026 là 1.051.678.405đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Hồ Tấn Đ với Ngân hàng.

Kể từ ngày 26/5/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, ông Hồ Quang T1 - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho L2 theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD 22A2023674 ngày 28/12/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 22A2023674/01 ngày 28/12/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Hồ Tấn Đ với Ngân hàng.

Trường hợp ông Hồ Quang T1 - người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Tấn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc chỉ trả được một phần các khoản nợ thì L2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/4/2022 để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Cụ thể tài sản thế chấp như sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/4/2022 của bên thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD760568, số vào sổ cấp GCN: CS08992 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/4/2022 đối với thửa đất số 90, tở bản đồ số 17, diện tích 3.942,1m^2, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc Ông Hồ Quang T1 và vợ là bà Huỳnh Thị Ngọc L phải có nghĩa vụ giao thửa đất thửa đất số 90, tở bản đồ số 17, diện tích 3.942,1m^2, đất tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) cho Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC22A2022110 ngày 14/4/2022 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ bán xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì L2 có quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông Hồ Tấn Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Buộc ông Hồ Quang T1 phải có nghĩa có nghĩa vụ chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 43.550.352đồng và phải có nghĩa vụ nộp đủ.

Hoàn trả lại cho L2 (Do L2 - Chi nhánh B1 - Phòng G đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.860.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008068 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí lập vi bằng là 5.200.000 đồng, buộc ông Hồ Quang T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Chí Cường